

Thương Nữ

Trang Y Hạ

“Thương nữ bất tri vong quốc hận”

Thi sĩ Bùi Giáng nói: *“Muốn bàn tới thơ, muốn diễn dịch thơ thì tốt nhất hãy làm một bài thơ khác”*. Thi sĩ Bùi Giáng ám chỉ là nếu chưa đủ sức để cảm nhận hết ý nghĩa sâu xa trong một bài thơ thì chớ nên “bàn tới thơ và diễn dịch thơ”.



Đỗ Mục [803 – 853]. Thời Trung Đường - tự Mục Chi, hiệu Phàn Xuyên. Người Vạn Niên, quận Ninh Triệu [nay là Trường An tỉnh Thiểm Tây]. Ông nội của ông là Đỗ Hưu, một vị tể tướng triều của triều nhà Đường và cũng là một sử gia có danh tiếng. Đỗ Mục sinh vào thời nhà Đường suy vi cả nước sinh ra loạn lạc do nhiều thế lực nổi lên không tuân lệnh Triều Đình, và cũng như các bộ tộc ở ngoài biên cương liên tục đánh phá. Vụ phản loạn lớn nhất là vụ phản loạn của An Lộc Sơn, (An Lộc Sơn trên danh nghĩa là con nuôi của Dương Quý Phi). Tuy nhiên, Đỗ Mục đã lớn lên và được học hành tới nơi tới chốn dưới triều vua Đường Văn Tông [828]. Ông đi thi và đã đỗ tiến sĩ năm ông vừa được hai mươi lăm tuổi. Về tác phẩm, ông nổi tiếng với bài “A Phòng Cung Phú”. Bài "A Phòng Cung Phú" còn lưu giữ cho tới tận ngày nay. Đỗ Mục được bổ nhậm đi làm quan suốt cuộc đời cho tới đời vua Đường Tuyên Tông [853]. Đỗ Mục bị bệnh mất, ông thọ được năm mươi tuổi.

Thi sĩ Đỗ Mục làm thơ không nhiều, hầu hết thơ của ông lưu lạc người ta sưu tầm chỉ được trên dưới khoảng một trăm hai mươi bài. Ngoài bài phú **Cung A Phòng** nổi tiếng ông cũng còn có vài bài thơ khác mà các thi nhân đương thời và đời sau quan tâm đến, trong đó có bài:

Tàn Hoài Dạ Bạc

*Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa
Dạ bạc Tàn Hoài cận tửu gia
Thương nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xứng Hậu-Đình-Hoa.*

Tạm dịch:

*Khói loang sông lạnh trăng vờn cát
Thuyền cập bến khuya kế tửu gia
Thương nữ nào hay hờn mất nước
Bên sông vang vọng Khúc Đình Hoa.*

Thi nhân đời sau cũng như người yêu thơ của Thi sĩ Đỗ Mục mỗi khi họ đọc bài thơ “**bạc tàn hoài**” thường hay trích lấy hai câu sau cùng của bài thơ nhằm “ám chỉ” hay là gán ghép cái vô có cho người nữ “xướng ca” một cái tội tưởng tượng tới rất là vô lý mà có thể tự hiểu hay tạm hiểu là bọn con gái thuộc hạng “xướng ca vô loại” không biết hờn vong quốc là gì. Tại sao lại có sự (hàm hồ) như vậy? Ở đây có thể hiểu rằng hầu hết người đời sau đều diễn dịch chưa đúng hai chữ “**thương nữ**”. Chữ “thương nữ” không dính dáng gì tới - kỹ nữ, ca nữ, dĩ điểm.



Thử sơ lược hai tập thơ mà Trần Thúc Bảo (Trần hậu Chủ) ở thời Nam bắc triều (420 – 587) thì thường được biết đến trong sử sách là:

- Ngọc Trụ Hậu Đình Hoa
- Lâm Xuân Nhạc.

Hậu Đình Hoa được phổ nhạc từ một bài thơ ủy mị trong tập thơ cùng tên. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp tuyệt trần của nàng Trương Lệ Hoa, Trương Quý Phi – họ là người yêu của Trần Hậu Chủ mà các ca nương thời đó đều thích khúc ca "Hậu Đình Hoa. Trần Hậu Chủ còn mê đắm thêm nàng Khổng Quý Tân, Nàng Khổng Quý Tân nhan sắc cũng không kém nàng Trương Lệ Hoa. Ông cho xây gác tía: “Lâm Xuân - Ý Kết” cho hai giai nhân ngự, và xây thêm lầu son “Vọng

Tiên". Đồng thời nhà Vua cho xây vườn hoa kiểng mà ở trong vườn đó có đủ chim muôn dị thảo với tên là “Nghê Phong”. Từ đó, nhà vua và hai giai nhân tuyệt sắc suốt đêm ngày quần quýt bên nhau để uống rượu ca hát ngâm thơ. Trần Hậu chủ cũng tự mình làm một khúc hát Hậu Đình Hoa:

Nguyên tác:

*“Lệ vũ phương lâm đối cao các
Trần trang điểm chất bản khuynh thành,
Ánh hộ ngưng kiều sa bất tiến,
Xuất duy hàm thái tiểu tương nghinh.
Yêu cơ kiếm tự hoa hàm lệ,
Ngọc thu lưu quang chiếu Hậu Đình”.*

Trần Hậu Chủ tức Trần Thúc Bảo, vị vua cuối cùng của nhà Hậu Trần, ông sống phóng túng, ham mê thơ ca vũ nhạc, rượu, gái đẹp vô độ tới nỗi bỏ bê chính sự quốc gia. Tình cảnh đất nước loạn lạc dân tình khổ cực kéo dài lâu năm đã làm nản lòng các quan văn võ trong triều, họ không có cách gì khuyên can nhà vua, dần dà họ cũng như vua bỏ bê việc triều chính và một số thì cáo quan về quê. Thừa dịp rối ren Tùy Văn Đế tiến quân rầm rộ về chiếm lấy kinh đô. Trần Hậu Chủ không hề hay biết đất nước lâm nguy.

Thời khắc dầu sôi lửa bỏng vậy mà nhà vua lại say ngất ngưỡng trên lầu bên cạnh nàng Trương Lệ Hoa đang ngân nga hát khúc Hậu đình... Bộ hạ thân tín chạy tới báo tin dữ...! Họ thấy ông vua say mèm, họ lấy bình nước lạnh hắt vô mặt ông, ông tỉnh dậy mặt mày ngơ ngác... Bộ hạ khuyên ông ra đầu hàng để được giữ toàn mạng sống nhưng ông chọn cách dẫn hai người đẹp chạy trốn ở dưới một cái giếng cạn phía sau vườn và bị bắt. Theo chính sử, Tùy Văn Đế phát tuyên cáo phạt Nhà Trần khắp nơi để cho được danh chánh ngôn thuận, cho nên khi chiếm kinh đô Kiến Khang, Tùy Văn Đế không sát hại Trần Hậu Chủ và hoàng tộc, tất cả đều được đưa về Đại Hưng gần Trường An, đối xử rất tử tế cũng như cấp tiền bạc để cúng tế tổ tiên. Trần Hậu Chủ chết vào năm sáu trăm không bốn (604).

Từ đó tên Trần Hậu Chủ gắn liền với ca khúc Hậu Đình Hoa và trở thành điển tích của sự mất nước. Nguyên nhân mất nước được quy hết tội lỗi lên đầu nàng Trương Quý Phi và nàng bị đem ra hành quyết. Trường hợp này cũng giống Dương Quý Phi bị quân sĩ bắt treo cổ ở Mã Ngôi để cứu Nhà Đường. Tuy nhiên Dương Quý Phi chết còn cứu vãn Nhà Đường còn Trương Quý Phi chết như vật thế thân để an lòng thiên hạ chứ không cứu được Nhà Hậu Trần!

Mãi cho tới hai thế kỷ sau, các ca kỹ Trung Hoa vẫn mê hát khúc hát Hậu Đình Hoa trong các buổi yến tiệc dù đang ở trong cảnh nước mất nhà tan. Thi hào Đỗ Mục một đêm dừng thuyền ở bến Tấn Hoài gần kề quán rượu bỗng nghe khúc ca Hậu Đình Hoa ở bên kia sông vang vọng... Đỗ Mục cảm hoài mà sáng tác bài thơ **“Tân hoài dạ bạc”** trong đó có câu “Thương nữ bất tri vong quốc hận”, câu thơ u hoài nổi tiếng được các nhà dịch thuật dịch sang chữ quốc ngữ tiếng Việt rằng chữ “thương nữ” có nghĩa là “kỹ nữ, ca kỹ, gái điếm”. Dịch như vậy thì có khác gì miệt thị, chà đạp lên bài thơ của người xưa; chà đạp lên danh dự của người phụ nữ! Nguyên do bởi đâu mà họ dịch hai chữ “thương nữ” ra như vậy?

Đi tìm, tra tìm trong Hán Tự, và trong các Tự Điển Hán Việt của các tác giả: Trần Văn Chánh, Từ Điển Phổ Thông, Nguyễn Quốc Hùng, Thiệu Chửu, Đào Duy Anh thì có tới hai mươi mốt [21] bộ chữ Hán Tự có chữ “thương” mà không một bộ chữ Hán Tự nào có chữ thương mang nghĩa là “kỹ nữ, ca kỹ, gái điếm”. (Chữ thương trong các bộ chữ Hán Tự có tới mấy trăm chữ thương với vô số nghĩa nhưng chỉ duy nhất ở trong bộ “nhân” từ chữ có hai nét và cho tới chữ có mười ba nét). Chữ thương có nghĩa về Danh, như: Triều đại nhà Thương (vua Thang) trước công nguyên. Triều đại nhà Thương bị mất nước bởi Nhà Chu, từ đó mới có câu tóm tắt: “Hạ - Thương - Chu”. Chữ thương là người đi buôn bán (thương gia). Thương là: Nhà buôn, nghề nghiệp buôn bán (kinh thương). Chữ thương là họ Thương. Thương là màu xanh “Thương hải biển vi tang điền” Tạm dịch là (Biển xanh hóa thành ruộng dâu). Thương là cái chén để uống rượu. “Phùng thương thương thọ”. (Nâng chén rượu chúc thọ). Trong âm nhạc có ngũ âm “cung, thương, giốc, chủy, vũ”. Chữ Thương trong Hán Tự không mang nghĩa “yêu thương” như trong tiếng Việt. Vậy thì câu thơ của thi sĩ Đỗ Mục **“Thương nữ bất tri vong quốc hận”**, chẳng dính dáng gì tới các cô “kỹ nữ, ca kỹ, gái điếm”.

Do đó mà có thể hiểu thêm ý thơ trong câu “Thương nữ bất tri vong quốc hận” như sau: Thương nữ là người con gái ở độ tuổi xuân xanh, nên không hề hay biết gì chuyện suy vong của đất nước. Chữ Hán rất uyên thâm

mà là thơ thì lại càng uyên thâm chứa đựng ý nghĩa ẩn dụ, hoán dụ nhiều hơn. Vậy không thể dịch một cách tùy tiện mà không tra cứu kỹ sẽ làm sai lệch ý nghĩa câu thơ, bài thơ của tác giả.

Theo sử Trung Hoa khi Nhà Thương mất bởi Nhà Chu. Tuy nhiên, những người trong dòng tộc Nhà Thương vẫn tiếc nuối và ngấm ngấm khôi phục lại giang sơn. Và cho tới năm 1218 trước công nguyên, Ân Cao Tôn mới khôi phục lại được rồi lên làm vua hay còn gọi là Nhà Hậu Thương. Như vậy là đủ biết ảnh hưởng của Nhà Thương trong xã hội Trung Hoa thời đó là rất sâu rộng trong dân chúng.

Đỗ Mục có trách là trách cô gái của Nhà Thương, Đỗ Mục trách như là để “ám chỉ” để gián tiếp cho một số quan lại vô tâm không nghĩ tới chuyện sống còn của quốc gia trong thời khắc loạn lạc. Còn “*Cách giang do xứng hậu đình hoa*” thì ai hát mặc kệ họ.



Đỗ Mục sinh ra vào thời loạn lạc, chinh chiến triền miên, lãnh thổ thời Đường Minh Hoàng rộng lớn, nhưng sau loạn An Lộc Sơn đất nước dần dà thu hẹp lại và dân số thời còn thịnh vượng có khoảng hơn (sáu mươi triệu) người, nay đã giảm đi phân nửa bởi chém giết lẫn nhau! Nhà triết học phương Tây (Hegel) đã viết: “*Trung Hoa không có triết học, chỉ có chiến lược gia và quan trường*”. Nghĩa là người Trung Hoa chỉ biết học, thi đỗ, làm quan đồng thời nghĩ ra mưu cao, kế hiểm tranh giành địa vị và đi xâm chiếm đất đai của các nước khác mà phần nhiều ở trong lãnh địa Trung Hoa. Văn hào **Lỗ Tấn** cũng từng nói “*Lịch sử Trung Hoa là lịch sử ăn thịt người*”. Nghĩa là người Trung Hoa trong một nước tìm mọi cách giết

nhau.

Trong xã hội phong kiến Trung Hoa, vai trò người phụ nữ rất thấp kém, phần nhiều họ không được đi học ngoại trừ con cái vua quan, con cái người giàu có. Đã vậy người phụ nữ còn bị ràng buộc bởi tục lệ rất khắt khe và khinh thường như: “Tam tòng tứ đức”. “Nhất nam viết tử, thập nữ viết vô”. Thời nhà Tống người phụ nữ khi sinh con gái, theo tục lệ thời đó là phải bó đôi bàn chân cho nhỏ, bó chân càng nhỏ thì người con gái khi lớn lên mới có “giá trị” trong việc hôn nhân cũng như ngoài xã hội. Bó chân cho đẹp gọi là “Thốn Kim Liên” (Gót sen ba tấc). Bị bó, tất nhiên phải đau đớn, đi đứng rất khó khăn!

Người đàn ông thời phong kiến có quyền lấy nhiều thê, thiếp, thậm chí có quyền mang vợ, con gái đi cầm cố hoặc mang ra chợ bán cho người khác. Người phụ nữ thời xưa đã không có được một chút giá trị nào trong gia đình ngoài xã hội. Vậy thì trong bài thơ “*Bạc Tần Hoài*” thì sĩ Đỗ Mục không lý do gì lại đi trách cứ người phụ nữ chỉ biết xứng ca mà không nghĩ tới hận nước. Người xứng ca thời phong kiến hầu hết là nghèo khổ thất học họ thuộc tầng lớp dưới đáy xã hội bị khinh khi bị bán cho nhiều người để làm nô lệ thì trách cứ họ có ích chi “Thương nữ bất tri vong quốc hận” chứ không phải [thương nữ vô tâm vong quốc hận]. Bất tri nghĩa là chẳng hay biết chứ không phải vô tâm. Người xưa nói “Vô sư vô sách bất chấp bất trách”. Thi sĩ chỉ than thở giùm cho người con gái Nước Thương của thời Xuân Thu Chiến Quốc hoặc người con gái ở độ tuổi xuân xanh nào đó không hay rằng đã bị mất nước, và thi sĩ cũng than thở giùm cho người thời nay chỉ lo hát khúc Hậu Đình Hoa để ăn chơi trác táng mà không lo cho số phận còn mất của một quốc gia!

Thời phong kiến, ai là người có quyền cho người phụ nữ xứng ca hiểu về hiện tình đất nước đây? Cho họ biết để làm gì khi họ đã bị cho đứng ngoài lề xã hội, họ không được quyền tham chính; không được quyền tham gia quân ngũ. Vậy thì không lý do gì Đỗ Mục lại đi trách họ? Đỗ Mục trách là trách cái đám quan lại cây quyền ý thể kết bè, kết nhóm chỉ lo vơ vét của cải do người dân nai lưng ra đóng thuế để tổ chức ăn chơi trác táng, bắt những người ca nữ xinh đẹp ca hát mua vui cho việc ăn nhậu thậm chí còn ép họ chung chăn gối. Xót thay cho người ca nữ không hay biết gì về chuyện vong quốc cứ lặng lẽ ca hát phục cho một đám quan lại, đám người giàu có chỉ lo ăn chơi không tha thiết tới chuyện nước mất nhà tan. Thậm chí còn cúi đầu làm tay sai cho ngoại bang.

Thương nữ bất tri vong quốc hận: thử hỏi nếu mà họ biết hoàn cảnh “vong quốc hận”, dẫn tới nô lệ, chắc chắn không khi nào họ hát phục vụ cho một đám quan lại, đám giàu có. Ngược lại, giới phụ nữ sẽ đóng góp sức lực để tham gia cứu nước. Ngày nay phụ nữ đã có địa vị vững chắc trong xã hội kể cả những người nhạc sĩ, ca sĩ đều được trọng vọng và ảnh hưởng lớn trong mọi lãnh vực đời sống, xã hội và cao hơn nữa là lãnh đạo một quốc gia. Người phụ nữ ngày nay không còn loanh quanh trong xó bếp, họ biết tự đứng trên đôi chân



của mình, họ không lệ thuộc tài chánh ở người chồng người đàn ông. Người phụ nữ ngày nay không còn là một thứ đồ chơi rẻ tiền hay một thứ trang trí đứng ca hát phục vụ cho một bọn đàn ông lăm tiền nhiều của, trong khi đó ngoài khơi ngư phủ lúc nào cũng nơm nớp lo sợ còn trong đất liền kẻ thù tự do đi lại nghênh ngang!

Hãy thẩm thấu thơ Đỗ Mục một cách rất thơ. *Thương nữ bất tri vong quốc hận* chỉ là câu ta thán - chẳng thà như thương nữ bất tri vong quốc hận - còn hơn là làm trai mà bạc nhược khi đã biết vong quốc mà im lặng hoặc cố tình không hay biết gì về hiện tình đất nước thì tấm thân coi như đã chết.

Tuy nhiên, người đời sau có ý chê rằng bản thân thi sĩ Đỗ Mục vào thời đất nước loạn ly ông cũng rượu chè với ca kỹ chứ không tốt lành gì. Họ căn cứ từ bài thơ “Khiển Hoài” (Khởi Mối Cảm Hoài) của ông mà “phán xét” ông một cách lệch lạc, hàm hồ và vô căn cứ.

*“Lạc phách giang hồ tái tửu hành,
Sở yêu tiêm tế chường trung khinh,
Thập niên nhất giác Dương Châu mộng,
Doanh đắc thanh lâu bạc hãnh danh”*

Tạm dịch:

*Lạc nhịp giang hồ uống rượu say,
Eo thon kỹ nữ nhẹ trong tay.
Mười năm chợt tỉnh Dương Châu mộng,
Được tiếng thanh lâu bạc danh hoài.*

Đỗ Mục là thi nhân có tài, ông từng viết tựa đề tập thơ cho thi nhân Lý Hạ (thời Trung Đường). Đỗ Mục cũng như các danh sĩ đa tài cùng thời với ông không thể làm được gì để xoay chuyển bánh xe lịch sử để cứu vãn tình hình. Tướng soái triều đình nắm quyền lực, binh lực trong tay còn phải bỏ chạy hướng hồ là dân thường?! Tại sao người đời sau lại đi chỉ trích thi sĩ Đỗ Mục vì bốn câu thơ “cảm thán” cho thế sự thăng trầm mà không may là ông; các bạn của ông đã sống đúng trong thời kỳ loạn lạc và có thể nói đó là sự hối hận, tiếc thương đã không thể cứu vãn đất nước! Ông đã tự vấn lương tâm là “lạc phách”; lạc phách đây có khác câu thơ than thở “Lũ chúng ta đầu thai nhầm thế kỷ” của (VHC). Đã có biết bao nhiêu người có tài đức tìm chỗ ẩn cư chờ thời mà không chịu đem tài năng ra giúp đất nước. Đợi tới khi đất nước an bình mới chịu lộ đầu ra mong tìm chút công danh.



Thi sĩ Đỗ Mục chẳng qua buồn thế sự suy vi của nhà Đường, ông mượn chén rượu tiêu sầu bên kỹ nữ trong một lúc nào đó chứ không hẳn là ông đã “sa đọa”, nếu mà ông sa đọa giống Trần Hậu Chủ tất nhiên sử sách đã phê phán ông. Thi sĩ và giai nhân “nàng thơ” như hình với bóng đã có từ xa xưa cho tới nay thì có gì lạ đâu? Vậy có trách là trách vua Đường Minh Hoàng (loạn luân) với con dâu Dương Ngọc Hoàng triền miên mà bị An Lộc Sơn làm loạn dẫn tới xã tắc loạn ly, nhà vua phải bỏ kinh thành cùng bộ hạ và người đẹp Dương Quý Phi chạy trốn. Thi sĩ Đỗ Mục nói “lạc phách” xem ra chẳng mất gì đối với thi sĩ. Đường Minh Hoàng; Trần Hậu Chủ lạc phách thì mất cả giang sơn xã tắc và tính mạng.

Câu thơ “thương nữ bất tri vong quốc hận” là câu thơ nhắc nhở cho đáng mày râu rằng: dù người con gái nhà Thương xưa kia chẳng hay mất nước thì cũng chẳng có gì là lạ. Người làm trai biết rõ chuyện đất nước lâm nguy mà thờ ơ coi như không có chuyện gì đó mới chính là lạ! Harold Blom, Học giả và phê bình gia người Hoa Kỳ đã quan niệm rằng “*Thơ chỉ là những ứng đối lập luận của các nhà thơ với nhau, của người làm thơ thời sau trả lời với người làm thơ thời trước có thơ hay và nổi tiếng hơn*”.

Vậy thì các người làm thơ thời sau phải hết sức cẩn thận, tôn trọng khi bàn luận diễn dịch thơ để trả lời với người làm thơ trước mà không làm mất đi ý nghĩa câu thơ, ý nghĩa bài thơ của người trước đã nổi tiếng.

Trang Y Hạ
San Francisco 2010.